

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27/10/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rcom BLan và bà Nguyễn Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Puih D; địa chỉ: Làng L, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn H; địa chỉ: Làng L, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 5 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Puih D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008, Bà Puih D và ông Lê Văn H có tìm hiểu và chung sống với nhau. Đến ngày 04/12/2013, bà D và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyền số 01/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H không chịu lao động để xây dựng cuộc sống gia đình mà thường xuyên tụ tập cùng bạn bè để chơi bài, ông H còn có hành vi trộm cắp tài sản, bị kết án ba năm tù và đã chấp hành án xong. Sau khi được về địa phương, ông H không có sự thay đổi, không lo làm ăn mà còn bán hết các tài

sản trong gia đình như: đất đai, xe cộ và đàn bò để lấy tiền tiêu xài. Bà D có khuyên can nhưng ông H không nghe mà còn thường xuyên đánh đập và đe dọa giết các thành viên trong gia đình bà D nên bà D đã chuyển ra ngoài để sống riêng và sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần và bản thân bà D cũng bỏ qua cho ông H nhiều lần nhưng ông H vẫn không chịu thay đổi. Hiện nay bà D không còn tình cảm với ông H, nên bà D đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn H.

- Về con chung: Bà Puih D và ông Lê Văn H có ba con chung, là cháu Lê Minh H, sinh ngày 02/12/2008, cháu Lê Quang L, sinh ngày 06/7/2014 và cháu Lê Hoàng Bảo G, sinh ngày 31/10/2015. Từ thời điểm năm 2016, ông Lê Văn H đưa cả ba cháu về quê sống với ông nội là ông Lê Văn K, tại thôn N, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Bà Puih D có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết, Bà Puih D thay đổi yêu cầu khởi kiện về nuôi con chung, cụ thể bà D yêu cầu được nuôi các cháu Lê Minh H, sinh ngày 02/12/2008 và Lê Quang L, sinh ngày 06/7/2014; yêu cầu giao cho ông Lê Văn H nuôi cháu Lê Hoàng Bảo G, sinh ngày 31/10/2015. Bà Puih D và ông Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp của Bà Puih D là làm nông, quản lý chăm sóc 1.300 cây cao su, 1.000 cây cà phê và một ít cây điều, thu nhập hàng năm khoảng 250.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Puih D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Ý kiến của bị đơn là ông Lê Văn H:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H và Bà Puih D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88, ngày 04/12/2013. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn không có mâu thuẫn gì xảy ra, đến tháng 6/2022 ông H đề nghị bán đất để lấy tiền trả nợ Ngân hàng, bà D đồng ý nhưng với điều kiện ông H phải đồng ý ký vào đơn ly hôn. Đến tháng 7/2022, ông H đi nuôi ong và thường xuyên vắng mặt ở nhà. Nay Bà Puih D yêu cầu ly hôn thì ông Lê Văn H đồng ý.

- Về nuôi con: Ông Lê Văn H và Bà Puih D có ba con chung, là cháu Lê Minh H, sinh ngày 02/12/2008; cháu Lê Quang L, sinh ngày 06/7/2014 và cháu Lê Hoàng Bảo G, sinh ngày 31/10/2015. Hiện nay cả ba cháu đang sống cùng với ông nội là ông Lê Văn K, sinh năm 1964; địa chỉ: Đội 4, thôn N, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Ông Lê Văn H có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Hoàng Bảo G; giao cho Bà Puih D nuôi cháu Lê Minh H và cháu Lê Quang L. Ông Lê Văn H và Bà Puih D không phải cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập chính của ông H từ công việc nuôi ong khoảng 5.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là ông Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Puih D và ông Lê Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của Bà Puih D: Bà D cho rằng cuộc sống gia đình giữa bà và ông Lê Văn H phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và đã không còn chung sống với nhau trong một thời gian dài. Ông Lê Văn H không thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng do Bà Puih D trình bày nhưng vẫn đồng ý ly hôn, đồng thời cũng không tham gia hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, điều này thể hiện không còn quan tâm hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà D và ông H đã trầm trọng, các bên không còn yêu thương, quan tâm, chung sống với nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D theo quy định tại các Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Puih D có nguyện vọng nuôi cháu Lê Minh H và Lê Quang L; yêu cầu ông Lê Văn H nuôi cháu Lê Hoàng Bảo G, phù hợp với ý kiến của ông Lê Văn H, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D về việc bà D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hải và cháu Linh; ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giang. Bà D và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con vì không yêu cầu.

[5] Bà Puih D và ông Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tuy nhiên phải tôn trọng, không được lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện nuôi con theo quy định tại các Điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí: Bà Puih D phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Puih D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Puih D và ông Lê Văn H.

- Về con chung: Bà Puih D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Minh H, sinh ngày 02/12/2008; cháu Lê Quang L, sinh ngày 06/7/2014; ông Lê Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoàng Bảo G, sinh ngày 31/10/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Bà Puih D và ông Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi người trực tiếp nuôi con không còn đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Puih D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0008572 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Vũ